



Số: 69../2025/TB-BCG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

Về lãi suất áp dụng cho **Kỳ Tính Lãi 08** (từ bao gồm ngày **20/07/2025** đến và không bao gồm ngày **20/01/2026**) của trái phiếu BCG122006

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“SSC”)

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”)

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”)

Tên Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Trụ sở chính : 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028 6268 0680 Fax: 028 6299 1188

Chúng tôi xin thông báo đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“SSC”), Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) về mức lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi 08 của mã trái phiếu BCG122006 như sau:

Tên Trái phiếu : Trái phiếu Công ty cổ phần Bamboo Capital

Mã Trái phiếu : **BCG122006**

Loại Trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp

Mệnh giá : 100.000 đồng/Trái phiếu

Sàn giao dịch : HNX

Mức lãi suất áp dụng : **10,675%/năm** (mười phẩy sáu trăm bảy mươi lăm phần trăm một năm)

- Lãi Suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: $\text{lãi suất} = \text{lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó} + \text{biên độ } 6,0\%/năm$ (bằng chữ: sáu phần trăm một năm).



Trong đó: Lãi suất tham chiếu đối với mỗi kỳ tính lãi sau 02 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên được xác định tại ngày xác định lãi suất, có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng việt nam, trả lãi sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại ngày xác định lãi suất.

Ngày xác định lãi suất là ngày làm việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi:
09/01/2025

STT	Ngân hàng tham chiếu	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng việt nam, trả lãi sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) công bố tại trang thông tin điện tử chính thức	Căn cứ
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,70%/năm	https://bidv.com.vn/vn/tra-cuu-lai-suot
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4,60%/năm	https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/KHCN/Cong-cu-Tien-ich/KHCN---Lai-suot
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4,70%/năm	https://www.vietinbank.vn/ca-nhan/cong-cu-tien-ich/lai-suot-khcn?type=bang-lai-suot
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4,70%/năm	https://www.agribank.com.vn/vn/lai-suot
Lãi suất tham chiếu		4,675%/năm	

Thời gian áp dụng : Thanh toán **Kỳ Tính Lãi 08** (từ bao gồm ngày **20/07/2025** đến và không bao gồm ngày **20/01/2026**).

Ngày thanh toán : **20/01/2026**

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: K. HTKD, PTP.

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHẠM HỮU QUỐC

3157
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN BAMBOO
CAPITAL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Phân tích hàng hóa cấp

Quan hệ nhà đầu tư

VỀ BIDV

Tuyển dụng

Hỏi & Đáp

Liên hệ

Sản phẩm & Dịch vụ

SMEasy



Đăng ký dịch vụ trực tuyến

EN

Lãi suất tiền gửi dành cho khách hàng cá nhân

Chọn khu vực

TÌM KIẾM

Kỳ hạn	USD	VNĐ
Không kỳ hạn	%	0.1%
1 Tháng	%	1.6%
2 Tháng	%	1.6%
3 Tháng	%	1.9%
6 Tháng	%	1.9%
6 Tháng	%	3.0%
9 Tháng	%	3.0%
12 Tháng	%	4.7%
13 Tháng	%	4.7%
15 Tháng	%	4.7%
18 Tháng	%	4.7%
24 Tháng	%	4.8%
36 Tháng	%	4.8%

Car nhân Tổ chức Khách hàng Ưu tiên

Về Vietcombank

Tín tức

Nhập đầu tư

Mạng lưới

Tuyển dụng

1900 545413



Sản phẩm & Dịch vụ

Công cụ & Tiện ích

Liên hệ & Hỗ trợ

Giao dịch an toàn



Đăng nhập

Bảng lãi suất tiền gửi

Tết kiệm tại quầy

Tiền gửi có kỳ hạn tại quầy

Tiền gửi trực tuyến

Kỳ hạn	VND	EUR	USD
Không kỳ hạn	0.10%	0.30%	0.00%
7 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
14 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
1 tháng	1.60%	0.30%	0.00%
2 tháng	1.60%	0.30%	0.00%
3 tháng	1.90%	0.30%	0.00%
6 tháng	2.90%	0.30%	0.00%
9 tháng	2.90%	0.30%	0.00%
12 tháng	4.60%	0.30%	0.00%
24 tháng	4.70%	0.30%	0.00%
36 tháng	4.70%	0.30%	0.00%
48 tháng	4.70%	0.30%	0.00%
60 tháng	4.70%	0.30%	0.00%

300
T. MINH



LÃI SUẤT HUY ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC KỶ HẠN

Kỳ hạn	VND (%/năm)	USD (%/năm)	EUR (%/năm)
Không kỳ hạn	0,1%	0%	0,1%
Dưới 1 tháng	0,2%	0%	0,3%
Từ 1 tháng đến dưới 2 tháng	1,6%	0%	0,4%
Từ 2 tháng đến dưới 3 tháng	1,6%	0%	0,4%
Từ 3 tháng đến dưới 4 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 4 tháng đến dưới 5 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 5 tháng đến dưới 6 tháng	1,9%	0%	0,5%
Từ 6 tháng đến dưới 7 tháng	3%	0%	0,5%
Từ 7 tháng đến dưới 8 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 8 tháng đến dưới 9 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 9 tháng đến dưới 10 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 10 tháng đến dưới 11 tháng	3%	0%	0,4%
Từ 11 tháng đến dưới 12 tháng	3%	0%	0,4%
12 tháng	4,7%	0%	0,3%
Trên 12 tháng đến dưới 13 tháng	4,7%	0%	0,3%
Trên 13 tháng đến dưới 18 tháng	4,7%	0%	0,3%
Từ 18 tháng đến dưới 24 tháng	4,7%	0%	0,3%
Từ 24 tháng đến dưới 36 tháng	4,8%	0%	0,3%
36 tháng	4,8%	0%	0,3%



Cá nhân

Thông tin mang tính tham khảo. Để có thông tin cụ thể, quý khách vui lòng liên hệ với Chi nhánh Phòng giao dịch của Agribank gần nhất.

Kỳ hạn	VND	USD	EUR
Không kỳ hạn	0,2%	0%	0%
1 Tháng	2,1%	0%	0%
2 Tháng	2,1%	0%	0%
3 Tháng	2,4%	0%	0%
4 Tháng	2,4%	0%	0%
5 Tháng	2,4%	0%	0%
6 Tháng	3,5%	0%	0%
7 Tháng	3,5%	0%	0%
8 Tháng	3,5%	0%	0%
9 Tháng	3,5%	0%	0%
10 Tháng	3,5%	0%	0%
11 Tháng	3,5%	0%	0%
12 Tháng	4,7%	0%	0%
13 Tháng	4,7%	0%	0%
15 Tháng	4,7%	0%	0%
18 Tháng	4,7%	0%	0%
24 Tháng	4,8%	0%	0%
Tiền gửi thanh toán	0,2%	0%	0%